

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Khu dân cư kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu,
huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 396/TTr-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú;
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh; (Báo cáo);
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên HĐTD Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên KS, CN;
- Lưu VT, Đ(30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ KẾT HỢP KHU TRUNG BÀY GIỚI THIỆU SẢN PHẨM
NÔNG SẢN XÃ PHÙ LƯU, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**



(Kèm theo Quyết định số: 1218/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư kết hợp khu trung bày giới thiệu sản phẩm nông sản xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- Địa điểm thực hiện: thôn Quang, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Quy mô diện tích: 65.393 m²
- Quy mô dân số: khoảng 768 người
- Quy mô xây dựng các hạng mục công trình trong dự án: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ khu dân cư theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt gồm các hạng mục công trình chính như sau: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và xử lý nước thải; hệ thống cấp điện, chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc.
- Sau khi hoàn thành, nhà đầu tư tự tổ chức việc bán, cho thuê nhà ở theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. San nền

- Tổng diện tích san nền là 3,944 ha; cao độ san nền thấp nhất là 55,5, cao độ san nền cao nhất là 60,6.
- Diện tích đào đất hữu cơ 31.299,63 m²; khối lượng đào đất dày 30 cm là 9.389,89 m³.
- Diện tích đào đất cấp 3 là 8.147,11 m²; khối lượng đào đất cấp 3 là: 92.995,69 m³;

- Khối lượng đắp đất cấp 3 là 43.297,01 m³; Khối lượng đắp taluy là 470,64 m³.

1.3.2. Hệ thống giao thông

- Mặt cắt 1-1 có lòng đường rộng 7,5 m, hành lang mỗi bên rộng 11,25m.
- Mặt cắt (2-2) có lòng đường rộng 7,5m hành lang mỗi bên rộng 5m.
- Móng đường cấp phối đá dăm, mặt đường bê tông nhựa, rãnh thoát nước dọc, tô toa, vỉa hè.

1.3.3. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: Sử dụng cống hộp bê tông cốt thép BxH = 400x600 đến 800x1000, đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến đến giếng thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật; đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập chung công suất 150 m³/ngày đêm cho khu dân cư.

1.3.4. Hệ thống cấp nước: Chủ dự án đầu tư xây dựng giếng khoan nước và công trình cấp nước cho khu dân cư.

1.3.5. Nguồn cấp điện: Từ mạng lưới điện quốc gia.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động
1	San gạt mặt bằng, tập kết VLXD, đá, cát sỏi...	- CTR: Đất, đá - Bụi	- Công nhân thi công. - MT không khí, đất, nước và cảnh quan khu vực thi công.
2	Thi công xây dựng các hạng mục công trình chính và phụ trợ	- Bụi, khí thải. - CTR thi công, vật liệu thừa.	- Công nhân thi công. - Môi trường không khí, đất, nước và cảnh quan khu vực dự án.
3	- Hoạt động của các phương	- Bụi, khí thải.	- Công nhân thi công.

	tiện thi công. - Hoạt động phương tiện vận chuyển	- Dầu thải, chất thải nhiễm dầu,...	- Môi trường không khí, đất, nước và cảnh quan khu vực dự án.
4	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công	- CTR sinh hoạt. - Nước thải sinh hoạt	- Công nhân trên công trường và dân cư sống xung quanh khu vực dự án. - Môi trường không khí, đất, nước và cảnh quan xung quanh khu vực dự án
5	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn kèm theo từ công trường thi công, khu vực lán trại của công nhân.	Môi trường đất, nước và cảnh quan xung quanh khu vực dự án

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành hoạt động

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động
1	Hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu dân cư và khu thương mại dịch vụ	- Chất thải rắn sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt	Môi trường không khí, nước và cảnh quan khu vực dự án
2	Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. - Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.	Môi trường không khí, nước, và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.
3	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn từ mặt sân, đường.	Môi trường nước, đất và cảnh quan xung quanh khu vực dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh nước thải: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân trên công trường.

- Quy mô: Khoảng 4,8 m³/ngày đêm.

- Tính chất của nước thải: Các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ, BOD₅, COD, các dưỡng chất (N, P) và các vi sinh vật.

b) Nước thải rửa xe:

- Nguồn phát sinh nước thải: hoạt động rửa xe vận chuyển tại công trường

- Quy mô: Khoảng 6 m³/ngày.

- Tính chất của nước thải: Các chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, dầu mỡ.

3.1.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

a) Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh nước thải: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cư dân trong khu dân cư và khu vực thương mại dịch vụ.

- Quy mô: Khoảng 147,6 m³/ngày.đêm.

- Tính chất của nước thải: Các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ, BOD₅, COD, các dưỡng chất (N, P) và các vi sinh vật.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Nguồn phát sinh: Quá trình thi công xây dựng dự án tiến hành đào, san ủi để san lấp tạo mặt bằng xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Tính chất của khí thải: Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, khí thải do hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu dân cư.

- Tính chất của khí thải: Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: bao gồm rau, củ, quả, cơm canh thừa,...và các thành phần khác như túi nilon, giấy vụn,...thải ra trong quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường.

- Quy mô: Khoảng 20 kg/ngày.

b) Chất thải rắn xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình san lấp mặt bằng, xây dựng công trình hạ tầng. Thành phần chất thải gồm: đất đá thải, cát sỏi, vữa thừa, đầu mẩu ván gỗ, cốt pha, đầu mẩu sắt thép, vỏ bao xi măng...

- Quy mô: Khối lượng đất hữu cơ vận chuyển đi khoảng 9.389,89 m³; khối lượng cấp 3 vận chuyển đi khoảng 46.164,3m³; gạch, đá, xi măng, sắt thép và gỗ, giấy khoảng 326,95÷ 457,73 kg/ngày.

c) Chất thải rắn nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Phát sinh trong quá trình xây dựng là bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dầu mỡ, que hàn thải, dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thi công, các loại can, vỏ chai đựng dầu nhớt...

- Quy mô: tổng lượng dầu thải khoảng 3×7= 21lít/máy trong suốt quá trình thi công; Khối lượng găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ; can, hộp đựng dầu máy, pin, sạc điện thoại, bóng đèn huỳnh quang hỏng ước tính vào khoảng 30 kg/tháng.

3.3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: bao gồm rau, củ, quả, cơm canh thừa...và các thành phần khác như túi nilon, giấy vụn...thải ra trong quá trình sinh hoạt của cư dân trong khu dân cư.

- Quy mô: Khoảng 1,1 tấn/ngày.đêm.

b) Chất thải rắn nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dầu mỡ, dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Quy mô: khoảng 25 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Các hoạt động của công nhân lao động, thiết bị máy móc thi công trên công trường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công:

- Nước thải rửa xe: Cầu rửa xe được xây bằng gạch, có hồ thu nước thải, dung tích 6m³, kích thước (2×2×1,5)m, lắp lưới chắn dầu mỡ tại cửa xả.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng 05 nhà vệ sinh lưu động (loại có bể chứa chất thải dung tích 500 lít) để xử lý nước thải trên công trường.

- Nước mưa chảy tràn: đào các rãnh thoát nước xung quanh các lô đất với chiều rộng từ 0,5 ÷ 1,8m; sâu 0,4 ÷ 1,6m để lắng cặn.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Các khu nhà được xây dựng và lắp đặt các bể tự hoại để thu, xử lý nước thải sinh hoạt riêng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ BASTAF 5 ngăn để xử lý nước thải tập trung của khu dân cư và khu thương mại dịch vụ, công suất 150m³/ngày.đêm

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân/khu thương mại, dịch vụ → Bể tự hoại 3 ngăn → tuyến ống thu gom → Trạm xử lý nước thải theo công nghệ BASTAF 5 ngăn → thoát ra suối Thọ.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B)

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Thọ

+ Số cửa xả: 01 cửa xả; chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ)

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Che chắn xung quanh khu vực thi công và phương tiện vận chuyển, kiểm soát phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công, tưới ẩm hạn chế phát sinh bụi khi thi công xây dựng.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: thường xuyên vệ sinh khu vực công công; trồng cây xanh khu dân cư theo quy hoạch.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lớp đất mặt của đất trồng lúa, trồng màu sẽ được các hộ dân xung quanh khu vực tận dụng để cải tạo đất trồng cây nông nghiệp; các chất thải xây dựng thu gom, tập kết tạm thời tại khu đất dự án, các chất thải như gạch vỡ, cát sỏi, đá thừa được sử dụng làm nền móng; vật liệu như sắt thép vụn, vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng được thu gom, bán tái chế; phần còn lại không tái chế sử dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Chủ yếu là chất thải sinh hoạt của cư dân trong khu dân cư và khu vực thương mại dịch vụ. Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom hằng ngày vào các thùng lưu chứa có nắp đậy kín, để trong kho lưu giữ tạm thời đảm bảo không phát tán ra môi trường xung quanh. Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định.

- Đối với bùn thải của trạm xử lý nước thải chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị khi đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian triển khai thi công dự án. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết. Giảm ca cho các công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn; tiến hành chia ca, bố trí công trường làm việc vào ban ngày, hạn chế làm việc vào ban đêm để giảm ồn, giảm thiểu tác động tới sinh hoạt và giấc ngủ của nhân dân địa phương quanh khu vực dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Số lượng mẫu: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát: Khu vực giáp đường DT 189; Khu vực gần khu dân cư.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi lơ lửng, tốc độ gió, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

5.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Số lượng mẫu: 01 mẫu.
- Vị trí giám sát: Cửa xả của trạm xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, chất rắn hòa tan (TDS), sunfua, amoni, NO₃⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng Coliforms..
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3. Giám sát khác

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, giám sát bùn thải.
- Giám sát hiện tượng trượt, sụt lún công trình.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và định kỳ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án phải lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định.
